

NGHĨA TÌNH QUẢN QUANH

ĐỒ PHÚ

Tiếng điện thoại trên bàn ngủ reo vang, tôi hết sức ngạc nhiên không hiểu ai gọi vì nghĩ rằng chúng tôi đâu có quen ai ở vùng này. Sau vài giây suy nghĩ, tôi nhấc điện thoại.

- Alô, thưa bác Phan, cháu là Ánh Linh, con của ông bà Duy An, bạn hai bác đó ạ.

- Bác nhớ ra rồi, tôi trả lời.

- Chúng cháu rất vui khi nghe tin hai bác tới vùng này nghỉ mát, tắm biển.

- Ai cho cháu tin vậy?

- Thưa bác, mẹ cháu. Chúng cháu muốn ghé khách sạn đón hai bác đi chơi quanh vùng này và sau đó đến nhà chúng cháu dùng cơm.

- Chừng nào các cháu tới được? Chúng tôi ở đây cả tuần nên hôm nào các cháu tới cũng được, cần nhất là phải thuận tiện cho các cháu vì các cháu đều đi làm bận rộn cả. Hotel của hai bác nằm ngay trên bờ biển, nên hai bác có thể dành nhiều thì giờ tắm biển, chơi trên cát. Sau đó hai bác có thể lái xe tà tà đi chơi thăm thú vùng Miami này được vì hai bác có thuê xe.

- Vâng như thế thì chúng cháu xin hẹn sáng ngày mốt sẽ lại đón hai bác đưa hai bác đi chơi vòng quanh Miami, xuống Key West, chiều mời hai bác về nhà chúng cháu dùng cơm.

- Tính thế cũng được cần nhất là thuận tiện cho các cháu và không cản trở giờ giấc làm việc của các cháu. Chúng tôi chỉ đi chơi, nghỉ mát, thảnh thơi có nhiều thì giờ nên không muốn làm phiền người khác.

Linh vội nói:

- Thưa bác không phiền hà gì cả, chúng cháu cũng mong có dịp gặp hai bác v à cũng có đôi điều muốn nói với hai bác. Thôi hẹn bác

ngày mốt, 9 giờ sáng chúng cháu có mặt ở khách sạn đón hai bác.

Tôi nói với nhà tôi con nhỏ này lanh thật chưa chi đã biết chúng mình xuống đây

và gọi hỏi thăm ngay, mà không biết nó muốn nói chuyện gì với mình nữa đây. Loan nói cháu nó lịch sự nói giả lả như vậy để mình khó từ chối chứ có chuyện gì quan trọng mà suy nghĩ.

Hai ngày sau, vợ chồng Ánh Linh tới, lái xe chở chúng tôi đi chơi, thăm thú vùng

Miami, chạy thẳng ra Key West, một đường xa lộ chạy dài tới một hòn đảo giữa

biển khơi mênh mông. Key West trở thành một thị trấn nhỏ cho du khách thăm viếng. Buổi tối, bên bàn ăn trong không khí một gia đình ấm cúng, hai vợ chồng hai con. Linh kể rằng cách đây chừng hai năm, vợ chồng cháu cãi nhau giận nhau đến độ hai bên nội ngoại đều hay biết. Mẹ cháu đã kể lại chuyện xưa, có lần bố mẹ cháu đã suýt đi tới ly dị nhau nếu không có bác khuyên ngăn. Lời khuyên của bác đã có ảnh hưởng lớn đến gia đình cháu và đến các cháu ngày nay.

Ánh Linh là con gái đầu lòng của vợ chồng Duy An. Tôi gặp và quen An trong dịp lễ cưới của Trọng Hiệp vào năm 1957 tại Sài Gòn. An là một thanh niên khá đẹp trai, khỏe mạnh, ăn nói khéo léo, và hay khôi hài nên dễ quen với mọi người.

Chúng tôi hai thằng độc thân, ngồi cạnh nhau và nói chuyện vui vẻ cởi mở. Sau đó anh mời tôi lại nhà chơi, thảnh thơi chúng tôi lại gặp nhau, cùng nhau đi dạo phố hoặc đi ciné mỗi khi có phim mới hay. Rồi băng đi vài năm ít gặp nhau, tôi bận rộn vừa đi làm vừa đi học thêm, còn anh theo gia đình ra Qui Nhơn, đầu làm đường xá.

Khoảng 1960 hay 1961, anh gửi cho tôi một tấm hình của cô bạn gái, cô tên Hiền.

Trong hai trang giấy chữ nhỏ anh mô tả Hiền đúng như tên gọi hiền thực, dịu dàng, duyên dáng, chuyện trò hấp dẫn và đẹp thì hết nói, những câu như chim sa cá lặn vẫn chưa tả được hết. Duy An kể hẳn có thể nhìn nàng cả giờ không chán, nói chuyện hay nghe nàng nói thì quên hết ngày tháng, thời gian bên cạnh nàng An thấy như lúc nào cũng thiếu. Một ngày không gặp là một ngày không ăn không ngủ. Rồi sau đó ít lâu An vô Sài Gòn đến gặp tôi, hơn 1 tiếng đồng hồ, An chỉ nói về Hiền, cô tiên nữ mà anh đã gặp, không có danh từ nào đẹp mà anh không vận dụng tìm ra để tả người con gái này. Tôi mừng cho An đã tìm được người trong mộng, người bạn đời tương lai của mình. Tôi chúc hai người nên vợ chồng, An nói điều đó thì chắc chắn, anh không thể nào để mất Hiền được. Khi tôi hỏi về Hiền như cô ấy hiện còn đi học hay đi làm, An nói Hiền là một thôn nữ, cô ấy hiện giúp mẹ trông nom một cửa hàng bán vải và quần áo nhỏ trong chợ Qui Nhơn, tuy buôn bán nhưng vẻ đẹp thôn nữ vẫn còn trên cô. Hiền còn mang nhiều nét thôn quê, hồn nhiên, trong sáng như một bông hoa rừng hơn là gái thành thị. An nói về Hiền say mê như anh chàng nghiện ma túy và anh cứ muốn tôi lắng nghe anh nói liên tục, say mê về người anh yêu. Nhìn tấm hình của Hiền, tôi thấy nàng là một cô gái xinh đẹp nhưng hơi quê, và bạn tôi đã mô tả quá đáng. Trước vẻ đẹp thì đúng là mỗi người mỗi mắt, yêu là mù quáng, yêu ai thì cau bở làm đôi, yêu cả đường đi lối về.

Tôi biết anh đang tương tư với cú sét ái tình, nên anh không còn đủ lý trí để suy tính, con tim đã lấn át hết lý trí của anh, thôi đó cũng là điều hay, chỉ cần làm sao cho mối tình đẹp này thăng hoa, bền vững suốt đời.

Chỉ một năm sau, khoảng 1961, tôi nhận được thiệp mời dự tiệc cưới của An liền tại Qui Nhơn nhưng một phần vì xa xôi, một phần vì công việc tôi không ra dự được. Sau đám cưới ít lâu, vợ chồng An dọn vào Sài Gòn làm ăn, tôi có gặp An đôi lần, và vui mừng thấy anh chị sống hạnh phúc. Mỗi lần gặp lại nhau là mỗi lần anh nhắc tới Hiền, anh chỉ muốn tôi nghe anh nói đủ mọi chuyện của anh và Hiền. Gặp anh một giờ là một giờ anh nói về vợ anh, tôi phải hết sức kiên nhẫn ngồi nghe cho vừa lòng anh. Ở Sài Gòn, An khá thành công, kiếm được nhiều tiền rồi mua được một căn nhà đẹp ở Đường Phan Đình Phùng.

Đầu năm 1970, An đến gặp tôi với bộ mặt u ám, anh hỏi tôi về thủ tục ly dị. Thấy

phản ứng của tôi, từ ngạc nhiên đến buồn bực nuôi tiếc, An than vãn đủ điều như anh đã nhầm lẫn lấy một người vợ có nhan sắc, có cái đầu lớn nhưng thiếu bộ óc, có tất cả bề ngoài mà thiếu chiều sâu của tâm hồn. Cái vẻ đẹp quyến rũ thì cô có nhưng bây giờ anh mới thấy là không đủ để chôn chặt một tình yêu chân thành, nhưng cái nết thì phải xét lại. Tôi giảng cho An nghe về thủ tục ly hôn, sau khi nộp đơn và được tòa chấp nhận, hai bên phải qua thủ tục hòa giải, với sự chứng kiến của luật pháp, tức tòa án, nếu hòa giải không thành, hai bên lại phải chờ đợi 6 tháng đến kỳ hòa giải lần hai, nếu lại bất thành, tòa sẽ đưa nội vụ ra xét xử. Một vụ án ly hôn có thể kéo dài đến hai, ba năm là chuyện thường. Nếu hai bên đồng thuận, không có điều gì tranh cãi, không có vấn đề tài sản, không tranh dành quyền nuôi con cái thì vụ án có thể nhanh chóng hơn.

Tôi thảo luận với An để tìm hiểu lý do thực sự tiềm ẩn trong con người của An và Hiền, vì hai con người đã yêu nhau, đã gặp nhau, tìm đến nhau, không do ai mai mối, không do ép buộc, một mối tình tự do được họ hàng hai bên ưng

thuận liền và hộ trợ hết mình. Bạn bè đều hoan hỉ vui mừng và cầu chúc cho hai người duyên cầm hòa hợp. An kể sau 10 năm hạnh phúc, hai vợ chồng ăn ra làm nên, có với nhau bốn con, hai trai hai gái. Con trai đẹp khỏe mạnh, con gái xinh xắn, tất cả đều trắng trẻo, dễ thương. Chỉ gần 6 tháng nay, Hiền đổi tính lươn lẹo luôn hỏi hôm qua anh đi với con nào, con nhỏ trong ban nhạc sao cứ sấn lại bên anh, như là tình nhân của anh vậy...và nhiều nhiều nữa. Cô ấy biết rằng tôi thấu cung cấp dịch vụ văn nghệ cho USO, cơ quan cung cấp dịch vụ tiêu khiển, giải trí, nhất là âm nhạc cho quân đội Mỹ, mỗi tháng nhiều buổi trình diễn nhạc trẻ ở nhiều nơi khắp nước. Tôi phải thuê mượn nhạc sĩ, ca sĩ, ban vũ nữ trẻ phần đông là giới trẻ, thích và ham ca nhạc, biết ca hát, nhảy múa. Đôi khi tôi phải đưa họ đi trình diễn ở nơi đóng quân của Mỹ, khi anh bạn bầu sô không đi được. Đó là chưa kể đến việc, tôi phải đi kiểm soát xem các ban nhạc, ban vũ có làm việc đúng tiêu chuẩn của USO đòi hỏi không. An kể anh vào nghề này do tình cờ, chứ anh đâu phải là nhạc sĩ hay ca sĩ. Lại là một nghề không vốn mà bốn lời. Khi được người Mỹ tin thuê, họ ký hợp đồng, ứng trước tiền khá bộn, trả bằng đô la, nên khi chuyển sang tiền đồng, anh lại kiếm được khá bộn về tiền sai biệt. Anh đã bốc lên khá nhanh vì lẽ đó. An thuê văn phòng làm việc và nơi cho các ca sĩ, diễn viên thực tập, ngay cả các ban nhạc anh thuê đều là dân mới tài tử, nên dễ thuê, dễ đối xử. Nơi anh làm việc lúc nào cũng tấp nập người đến tập diễn, đến xin việc, nhất là các cô choai choai xin vào các ban vũ. An nói làm sao tôi tránh gặp người này người nọ cho được, cô ta ghen sằng ghen bậy, nên có hôm tôi không về nhà, cô ấy bảo tôi nếu tôi muốn đi thì đi luôn đi. An nói với vợ thì ly hôn đi, cô ấy nói được. Như vậy lý do thực mà anh chị giận nhau là vì ghen tuông do

một vài người bạn của Hiền bàn ra tán vào, làm thầy dùi cho Hiền lúc nhàn rỗi.

Tôi cho An biết nếu anh chị còn yêu nhau, là điều tốt, nếu không thì còn nghĩa nặng tình sâu đối với con cái. Máy cặp vợ chồng có được bốn đứa con ngoan, xinh đẹp, khỏe mạnh, thông minh đĩnh ngộ lại đều đặn hai trai hai gái, như anh chị. Nếu anh chị bỏ nhau, các con cái sẽ bị ảnh hưởng nặng, có thể bị khủng hoảng, vì thiếu tình yêu thương của cha mẹ, nhiều tai hại khác có thể xảy ra mà ta chưa lường trước được. Còn những căn do khác mà anh bây giờ mới thấy như thiếu đầu óc, thiếu thông minh, vô duyên hay soi mói vào việc của chồng chỉ là hậu quả tiềm ẩn của những vụ cãi lộn, ghen tuông mà ra. Anh cần phải chia sẻ nhiều hơn công việc làm của anh với chị, để chị thấy sự khó nhọc của anh, để cùng chia bùi sẻ ngọt, để tình nghĩa vợ chồng thêm chọn vẹn. Anh không thể chỉ đưa cho vợ nhiều tiền chi tiêu hàng tháng, coi như thế là đủ bổn phận. An cúi đầu suy tư. An thú nhận anh thực sự không muốn bỏ vợ con.

Bây giờ nếu anh không thể đi bước trước đến với chị bằng câu xin lỗi đã nói lời

ly dị, thì tôi có thể giúp anh làm việc này được. Đây không phải là điều khó làm chỉ cần dẹp bỏ đi một chút tự ái của cả đôi bên. Ít ngày sau, An trở lại, anh nói anh đã tự giằn xếp xong mọi chuyện, anh đã ngồi xuống nói chuyện thẳng với Hiền, hai bên đã hoàn toàn thông hiểu không cần nhờ tôi làm trung gian hòa giải nữa.

Đến năm 1975, ra hải ngoại, anh chị tay trắng, tài sản nghề nghiệp đều mất hết, phải đi làm mọi việc để kiếm sống, nuôi các con nên người. Trên hai mươi năm vật lộn với cuộc sống mới, bây giờ nghỉ hưu, nhìn lại gia đình, thấy các con nên người, có nghề nghiệp chuyên môn cao, vợ chồng yên vui, anh chị thật mãn nguyện. Ánh Linh nói nhờ một lời khuyên của bác mà gia đình cháu sum vầy, các cháu có ngày hôm nay.

Tôi không nghĩ vậy, tôi nói đó là hồng phúc của gia đình cháu, là tình yêu chân thật của đôi lứa, của con người.

Nay hai cháu nhắc lại chuyện này mang lại cho chúng tôi một niềm vui khôn tả. Chúng tôi chỉ cố gắng làm điều tốt, không hề nghĩ rằng mình đã tạo nên được một ảnh hưởng nào cho ai khác. Thấy

vợ chồng Ánh Linh vui vẻ, hân hoan đón mừng vợ chồng tôi, tôi cảm thấy nước biển Miami ấm hơn, trong xanh hơn và chan hòa tình người.

ĐỖ PHÚ
(Virginia)

KHI NHÀ THƠ CẦM BÚA

khi nhà thơ cầm búa
là biết phải đóng con chữ vào đầu
để mắt nhân gian ba chiều đọc được
trong không gian vừa vắn trước sau
dù mưa nắng chông chênh
dù gặp ghềnh thế sự

khi nhà thơ cầm búa
là câu chuyện ngụ ngôn
của kẻ cùng tử mở cửa hư không
cho những đứa con tinh thần
hào sảng rong chơi giữa cõi trời và đất
vượt qua bi tráng để tồn tại
vượt qua băng hoại để làm người
đứng trước gương soi chân thiện mỹ
chưa một lần khấc kỷ với từ tâm!

*

khi nhà thơ cầm búa
là khẳng định những tì vết

con chữ đi qua trên vách thời gian
còn long lanh giọt lệ hồng
từ những tấm lòng nhân ái
rót yêu thương
vào chữ nghĩa cuu mang

khi nhà thơ cầm búa
là tự nguyện dẫn thân
vào công trình phát thảo từ những con tim
muốn gieo trồng trong vườn hoa đời
những đóa hoa tình bất tử
và khi những thanh từ tỏa âm
theo tiếng dương cầm hào sảng vút lên
cũng là lúc nhà thơ cất chiếc búa vào lòng
mỉm cười mãn nguyện
với câu chuyện ngụ ngôn
khi nhà thơ cầm búa!

Cao Nguyên (Maryland)

Thần Thoại Và Thực Tế

DIỆU TẦN

Tiểu bang Hawaii có mấy truyện thần thoại. Các nước trên thế giới nước nào cũng có thần thoại, nếu dùng chữ tục truyền, cổ tích hay huyền thoại cũng na ná như nhau. Sử nước nào cũng có chính sử, ngoại sử và dã sử. Trong dã sử, ngoại sử có những câu chuyện, những sự việc không thấy ghi trong chính sử, bởi người viết chính sử không tin đó là sự thật. Tuy nhiên trong chính sử người ta cũng có ghi chú những chuyện khó tin ấy. Do đó có thể nói, dã sử là truyện dựa vào sự thật rồi hư cấu thêm, bịa đặt thêm cho hấp dẫn, làm ly, bi đắt hơn.

Thần thoại có trước và sau sử, trước sử gọi là tiền sử. Thời tiền sử chưa có chữ viết, sau thời tiền sử, có nhiều nước vẫn chưa có chữ viết, cho nên chỉ truyền miệng. Đã là truyện truyền miệng, qua nhiều người nghe và kể lại, người ta thêm mắm thêm muối cho hấp dẫn hơn lên. Ngày nay người ta quan niệm rằng những thần thoại vô hại và cứ nên tin vào khiến cho nguồn gốc dân tộc thêm huyền bí, tự hào, anh hùng, vẻ vang hơn. Nhật Bản nhận dân nước họ là con cháu Thái Dương Thần nữ, họ thờ mặt trời, lấy hình mặt trời mọc làm quốc kỳ. Sử Việt Nam có ghi dân ta vốn là người trong bọc trăm trứng, nở ra trăm con, rồi nửa nọ xuống biển, nửa kia lên núi. Theo khoa học thì lấy gì chứng minh mặt trời đẻ ra được người Nhật? Tại sao ông có quyền phép như vậy ông không sinh ra các dân tộc khác mà chỉ sinh ra người Nhật thôi? Bởi vậy tin thần thoại hay không là quyền, là ý thích của mỗi người.

Tại Hawaii, đảo Big Island có nơi được gọi là Vườn của các vị Thần (Garden of the Gods) là khu có những tảng đá do lava núi lửa để lại, có những màu đá khác nhau, màu đỏ, màu tím, màu nâu, màu đen do những tác động của thời gian và những tác động hóa học, vật lý khác. Cũng đoán hiểu là do thổ dân đặt tên ra, hay người da trắng đến thấy lạ bịa tên ra để gọi hiểu kỳ nơi du khách. Chuyện này có thể chứng minh bằng khoa học được, nhưng còn những chuyện khác nữa, không thể chứng minh, và cũng không nên chứng minh.

Nữ Thần Pele là thần Lửa, bà sống trong hầm lửa ở núi lửa Kilauea, hiện vẫn phun lửa ra hàng ngày, nơi lôi kéo được du khách đến khá đông. Hawaii cũng có Thần Mưa hay Thần Được Mùa, Thần Hòa Bình, Thần Chữa Bệnh. Người Việt và nhiều nước gốc nông nghiệp lúa nước cũng tin có những vị thần này. Gió, Mưa, Lửa, Mặt Trăng, Mặt Trời, cây to, núi lớn, tảng đá...thừa thừa có khoa học tìm tòi, nghiên cứu, chứng minh thì những hiện tượng, thực thể đó đều là do thần thánh hóa phép ra cả, điều này dường như người ta xếp vào tín ngưỡng Bái Vật giáo. Khi nghe người hướng dẫn du lịch mỉm cười chỉ trỏ kể thần thoại địa phương, du khách cũng mỉm cười tạm tin như vậy cho vui vẻ, vô hại, có mát mát gì đâu. Cũng chẳng nên thắc mắc, hỏi tới hỏi lui cho mất công! Hiện tượng kỳ lạ là núi lửa bỗng nhiên găm thét rồi phun đá, phun lửa ra trên đỉnh, tạo sức nóng dữ dội, tàn phá khủng khiếp con người, thú vật cây cối, làng xã bị tiêu hủy, cả một khu rừng bị biến thành biển lửa, đáng run sợ lắm chứ. Thời chưa có khoa địa chất, địa chấn, phải coi là do Nữ thần Lửa, giận dữ

con người, ra oai trừng phạt, bắt con người phải đền tội.

Tại đảo Kauai, đảo có lượng mưa hàng năm trên dưới một mét, cây rừng, vườn tược luôn luôn xanh tốt cũng có vài huyền thoại. Dãy núi phía tây-bắc đảo, khoảng giữa thị trấn Wailua và Kapaa, bên trong Bãi Dừa có hòn núi *Nounou* mang dáng người khổng lồ đang nằm ngủ (Sleeping Giant). Ông Thần này to lớn quá, ông đòi dân làng cung cấp thực phẩm cho ông ăn, ông ăn quá nhiều, bao nhiêu cũng không đủ, dân chịu không nổi bèn bày kế, để lẫn đá núi vào thức ăn. Tham ăn quá, ông tống vào miệng cả đá luôn. Rồi ông bội thực, nằm ngủ yên một chỗ biến thành hòn núi *Nounou*.

Cũng trên đảo Kauai, có chuyện Thần Tý Hon *Menehune*, Anh ngữ dịch là Magic, ảo thuật, biến hóa. *Menehune*, người ham mê làm việc giống như truyện cổ tích *Leprechaun* của Ái-nhĩ-lan. Đây là giống người tý hon, cao từ 15 cm đến 90 cm nhưng có sức khỏe vô song, sống ẩn náu trong rừng rậm, làm việc suốt đêm. Họ đắp đường lô, đào kinh dẫn nước, đào hồ cá và xây đền thờ... Đồn rằng nếu có ai bắt gặp họ đang làm việc, họ sẽ bỏ công việc đó ngay và cứ để bỏ dở không hoàn thành nữa. Nhiều nhà học giả cho rằng người *Menehune* di cư đến đảo trước nhất, trước cả người Polynesian đặt chân lên đảo cả hàng chục thế kỷ. Tuy nhiên năm 1880 nhà cầm quyền làm kiểm kê dân số, tại phía bắc đảo có ghi nhận sự có mặt của vài chục người giống tý hon này.

Câu chuyện vừa là thần thoại vừa có thể là chuyện có thật, nếu người Mỹ chứng minh, xác nhận những tài liệu kiểm kê dân số là hoàn toàn đúng. Người ta nói rằng còn những di tích do người *Menehune* thực hiện là hồ cá, kênh đào và hồ chứa nước. Có người cho rằng nếu còn chứng cứ hiển nhiên như bản chánh báo cáo kết quả kiểm kê dân số trong

đó có ghi tên họ, ngày năm sinh người *Menehune* và nhất là ảnh chụp thì có thể tin được phần nào.

Tại đảo Big Island, hướng dẫn viên du lịch giới thiệu hòn Tinh Nhân ngoài bờ biển, hòn núi hình tam giác và kể chuyện thần thoại cho du khách nghe. Hòn đá lớn này cao 27m và đường kính gần đỉnh là 23m. Người hướng dẫn kể lại: Ngày xưa có một ông chồng lấy được vợ đẹp, người chồng tính cả ghen, đem nhốt vợ trong hang ngoài biển. Người vợ chết, vì bị bỏ đói, bị nước ngập sao đó. Anh chồng hối hận quá, bèn trèo lên tảng đá và nhờ một vị thần giúp, đem xác vợ lên chôn trên đỉnh hòn. Chôn vợ xong người chồng nhảy xuống biển tự trầm. Kể xong hướng dẫn viên mỉm cười lắc đầu, nói tiếp: Các nhà khảo cổ sau này đã trèo lên đỉnh tìm tòi, đào bới nhưng không hề thấy xương người, chỉ có những bộ xương chim biển thôi.

Kể xong mọi người lên xe để tiếp tục đi xem nơi khác. Chợt có một ông già đeo kính cận nặng thắc mắc câu chuyện vừa nghe. Ông không đồng ý với chuyện giới khảo cổ nhảy vào chuyện thần thoại. Ông cho biết ông là giáo sư dạy sử ở đại học, cho rằng những nhà khảo cổ đó không nên tìm hiểu chứng minh gì hết. Hãy cứ để cho câu chuyện ẩn hiện mơ hồ như thế đi, đã là cổ tích, thần thoại, huyền thoại, mắc mớ gì khoa học trần tục lại xía vào. Người tài xế kiêm hướng dẫn viên trả lời: Tôi chỉ làm nhiệm vụ người kể lại thôi, tin hay không tin là tùy quý khách, tài liệu du lịch nói sao tôi nhắc lại như vậy. Ông giáo sư già khó tính kết luận: “Tôi nghĩ rằng anh và hãng du lịch của anh nên loại bỏ câu cuối nói là chỉ tìm thấy xương chim, không có xương người.” Nhiều người cười và vỗ tay tán thưởng, kể cả hướng dẫn viên.

Người ta đồng ý với ông giáo sư dạy sử. Bởi cứ để các ông khảo cổ, bác sĩ, kỹ sư... đem khoa học mô xê, soi mói vào thần thoại,

cổ tích, huyền thoại là hư bột hư đường hết. Thiên hạ sẽ chán, sẽ lắc đầu không tin vào những chuyện đó nữa, rồi du khách chán không muốn đi tour nữa thì sao? Làm sao mấy con chuột lại biến thành mấy con ngựa, làm sao quả bí lại biến thành cỗ xe để cô bé Lộ Lem kia leo lên đến lầu đài dự dạ tiệc? Làm sao cô Tấm hóa thân trong quả thị lại biến thành người đẹp được?

Ngay như trong truyện cổ tích, có rất nhiều vô lý, khó tin. Chẳng hạn truyện anh em nhà Tân và Lang, tại sao ba người trong truyện chết đi lại hóa thành cây cau, giây trâu không và tảng đá vôi được. Làm sao đến hai cha con chỉ có một cái khố, để đến nỗi Chử Đồng Tử phải trần truồng vùi mình dưới cát, cường điệu quá, bịa quá! Nghe cổ tích đừng nên phân tách theo khoa học, lý luận thông thường mà chỉ nên hiểu theo hướng giải trí hoặc hiểu hàm ý nội dung truyện.

Bước qua sử truyện thuyết, thần thoại, cứ thắc mắc hỏi người Nhật rằng làm sao dám nhận là con cháu mặt trời, sẽ bị người Nhật giận lắm. Cũng như nếu có người ngoại quốc nào lắc đầu, mỉm cười nghi ngờ chuyện Thánh Gióng của chúng ta, chúng ta sẽ đỏ mặt giận sôi lên. Thí dụ người đó sẽ hỏi: Làm sao cậu bé không biết nói bồng nói được, ăn quá nhiều. Làm sao có được con ngựa sắt để cưỡi đánh đuổi giặc thù. Sức voi mà nhỏ được cả bụi tre làm vũ khí. Bịa, hư cấu, giàu tưởng tượng!

Ồ hay nhỉ! Đã gọi là ông Thần, bà Thánh, cô Tiên mà. Có rất nhiều quyền phép, chẳng thế sao gọi là Thánh, Thần, Tiên? Thật ra nhiều lúc người ta không muốn biết sự thật, hoặc giả vờ không biết để cho cuộc đời đỡ tẻ nhạt, cho cuộc đời *lên hương* tí chút. Có trường hợp đặc biệt là tuy biết không có chú Cuội, không có cô Hằng Nga, chỉ có đất đá lờ mờ trên mặt trăng, người ta vẫn không thất vọng với cô Hằng

trong cung Quảng Hàn. Khoa học đã giẫm lên mặt trăng, đã lái xe trên mặt trăng, với khoa học, mặt trăng chỉ là một quả cầu trong không gian, thế thôi. Nhưng những nhà thơ, những người yêu thơ vẫn thích những vần thơ ca tụng mặt trăng thơ mộng huyền bí, vẫn lấy trăng tỏ, sao mờ, mây bay, gió cuốn, tuyết rơi làm nguồn cảm hứng sáng tác thơ phú.

Nhân nhắc câu chuyện thần thoại Hawaii, hòn núi Nounou, ông Khổng Lồ nằm ngủ, liên tưởng đến nạn tham nhũng hiện nay ở Việt Nam. Phải chi có ông Thần bà Thánh nào có phép biến của ngon vật lạ, ăn vàng, ăn kim cương, ăn đô-la các tay cán bộ gộc có phe cánh đớp vào chúng sẽ biến thành đá cục hết. Cho họ mau theo ông Lê, ông Mác biến thành những đồng đá Nounou (dịch lại là Sleeping stupid guys) nằm ngủ lã lóc, ngổn ngang, cho dân nhờ.

Trước đây chế độ có khẩu hiệu; *Làm ngày không đủ tranh thủ làm đêm* để bóc lột sức lao động dân nghèo. Dân đen phản kháng chế nhạo nhà nước bằng cách thêm câu :

Để cho cán bộ xây thêm...nhà lầu

Vụ này dính dáng đến giống người Tỳ Hon Menehune, không ai ép cứ thích tranh thủ làm suốt đêm, làm hùng hục. Chắc chắn rằng những Menehune này không đòi tiền công, làm xong là biến vào rừng mất dạng. Kiếp người Menehune cũng giống như con em dân đen, không phải là con cán bộ gộc phải vào Thanh niên Xung phong vác đạn, làm lính đánh thuê ở Cam-pu-chia, làm xa lộ chiến lược trong rừng thẳm. Cho nên lại có thơ nhái thơ Hoàng Cầm trong kịch thơ “Lên Đường” nổi tiếng một thời:

Xương tôi, tôi bắc nên cầu

Cho đàn em nhỏ lên lầu Tụ Do.

Ra câu:

Xương tôi, họ bắc thành cầu

Cho đàn cán bộ xây lầu vênh vang!

TRƯỜNG và KHOA CỬ NGÀY XƯA

Bạch Cúc & Hải Bằng.HDB

*

- Bốn Ngàn Năm Văn Hiến
- Trường và thầy trong thời kỳ Bắc Thuộc (Tàu)
- Chế độ khoa cử trong thời tự chủ

*

Những mùa tựu trường thời tiền chiến (trước 1945) đều là những kỷ niệm đẹp đầy luyến nhớ đối với thầy trò thuở trước. Ngày đó, dù là ngôi trường làng nhỏ bé lợp lá đơn sơ hay là một tòa nhà lợp ngói huy hoàng, tất cả đều là những nơi mà mọi người yêu mến, vì ở đó đáp ứng được niềm khao khát muôn đời của dân tộc Việt, đó là “đi học để nên người” và châm ngôn: “nhân bất học bất tri lý” (người không học không biết lẽ phải). Từ niềm khao khát đó, ngày tựu trường nào cũng là những ngày vui như hội.

*Tựu trường đó, lòng tôi vừa bắt gặp
Nổi xông xao thắm lặng ở trong rương
Của chàng trai mười lăm tuổi vào trường
Mắt tin cậy và tóc vừa đương rẽ*

*Người bạn nhỏ! Cho lòng tôi theo ghé
Không nổi gì có thể vượt ve hơn
Đêm tựu trường mùi cửa sổ mới sơn
Tủ mới đánh và lòng trai thom ngát
 (“Tựu Trường”, Huy Cận)*

*Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường
rụng nhiều và trên không có những đám mây
bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm
hoang mang của buổi tựu trường.*

*Tôi không thể nào quên được những cảm
giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như*

*máy cánh hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời
quang đãng.*

*Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên
giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay
tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy máy
em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên
đến trường, lòng tôi lại tung bùng rộn rã.*

*Buổi sáng mai hôm ấy, một buổi mai đầy
suong thu và gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm
tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và
hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm
lần, nhưng lần này tự nhiên tôi thấy lạ. Cảnh
vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính
lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi
đi học.*

(“Tôi Đi Học” - Thanh Tịnh)

Tất cả những tình cảm đẹp đó giờ đây chỉ còn là những hoài niệm đẹp. Nay cha mẹ lái xe đưa con đi hay có xe trường đưa đón. Cái cảnh nhộn nhịp, tung bùng ở ngoài đường phố đông nghẹt học trò lẫn phụ huynh không còn nữa và cái vui của ngày hôm nay khác với cái vui của ngày trước.

Riêng ở Việt Nam hôm nay, hàng năm tới mùa khai trường, phụ huynh và học sinh thường phải lo lắng chạy tiền để được nhập trường. Một học sinh đã mượn bài văn ghi trên của Thanh Tịnh để nói lên tệ trạng ấy của xã hội và đưa lên internet như sau:

“Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại ray rứt những kỷ niệm gian nan của việc... chạy trường.” (Phóng tác theo bài “Ngày Khai Trường” của THANH TỊNH)

*

Bốn ngàn năm văn hiến là gì?

Người Việt thường tự hào nước Việt có 4000 năm văn hiến với nguyên nghĩa: văn là văn hóa; hiến là hiến chương. Thật vậy, nước ta là một nước có văn hiến là bởi vì nước ta, lập quốc từ thời đại Hồng Bàng (2879 – 258 Trước Tây Lịch) lấy tên nước là Văn Lang bao gồm 15 bộ tộc quy tụ lại thành một khối dưới sự lãnh đạo của dòng họ Hùng, cuộc sống đã đi vào những nền nếp và phép tắc tốt đẹp. Chẳng hạn, về chính quyền, nước định ra các quan chế như Lạc Hầu, Lạc Tướng; về tín ngưỡng, người Việt tin vào Đạo Trời nên có câu “Đạo Trời báo phục chìn ghê” (Kiều, Nguyễn Du); về văn tự: chúng ta có “chữ Việt cổ”; về đạo đức làm người, người Việt đề cao lòng Hiếu Đễ; nghĩa “Vuông Tròn” (trăm năm tính cuộc vuông tròn); anh em như thể tay chân: (coi sự tích “Bánh Chung Bánh Dầy” và “Trầu Cau”); về học hành, có trường và thầy dạy (theo tài liệu kê cứu của nhà giáo kiêm khảo cổ Đỗ Văn Xuyền, thi thời Hùng Vương có 19 thầy giáo, 35 trường học và 58 học trò); về sinh nhai có nghề nông, trồng trọt, nuôi gia súc, sử dụng đồ gốm, đồ đồng; và có thể đồ sắt nữa (ngựa sắt và roi sắt của Phù Đổng Thiên Vương); về giải trí có nhiều hội hè, lễ tết. ...

Chính nhờ có một nếp sống có nền nếp và quy củ tốt đó mà dân tộc ta sau này dễ tiếp nhận những giáo lý của Phật Giáo và Khổng Giáo. Nhưng tiếc thay là người Tàu muốn đồng hóa các sắc dân Bách Việt (sinh sống ở

phương nam Trung Hoa) nên đã cướp đi hoặc tiêu diệt hết những tinh hoa của dân tộc ta trong hơn 1000 Bắc Thuộc kể từ thế kỷ thứ một trước Tây Lịch đến thế kỷ thứ 10 sau Tây Lịch.

Nghi vấn về chữ Việt cổ: Tại sao chữ Việt cổ không tồn tại?

Các nhà khảo cổ ghi nhận nhân loại tạo ra chữ viết từ trên 3000 năm trước Tây Lịch. Dân tộc ta có tiếng nói riêng và có một quá trình chung sống lâu dài nên chắc chắn là đã có chữ viết. Càng ngày càng tìm thấy nhiều di tích có ghi chữ viết cổ của người Việt. Gần đây có nhà giáo tên là Đỗ Văn Xuyền, ngụ tại Phường Tân Dân, Việt Trì; bút danh là Khánh Hoài; hiện sưu tầm được nhiều di liệu về chữ Việt Cổ.

Ông nói: “*Lịch sử, tài liệu từ hiện vật, tài liệu thư tịch, sắc phong, ngọc phả... Còn những cuốn sách này là hồ sơ về đền Mẫu, lịch sử Thiên Cổ Miếu... Tất cả những thứ gì của riêng tôi mà cần ghi bằng chữ thì tôi đều dùng chữ của tổ tiên*”.

Ông đưa ra những cuốn sổ tay, lịch ghi chép, và cả những phong thư... của ông cũng đều ghi bằng “chữ Việt cổ có từ thời vua Hùng”. Ông khẳng định. “*Buổi lập nước, triều đại Vua Hùng, chúng ta có một nền giáo dục rục rờ. Chúng ta đã có chữ viết trước Hán*”.

Những di sản văn hóa của người Việt như chữ viết, thuốc men v.v. đã bị người Tàu cướp đi hoặc tiêu hủy hết trong hơn 10 thế kỷ Bắc Thuộc.

Trong thời Bắc Thuộc, người Tàu áp dụng chính sách ngu dân nên không mở trường học chính thức nào cho Người Việt

học. Các quan cai trị chỉ dạy cho một số Người Việt đủ biết chữ Hán để làm tay sai. Có thể các quan Tàu đã cùng quan lại Việt dựa vào chữ Hán để tạo ra loại chữ đọc theo âm tiếng Việt gọi là Chữ Nôm (âm tiếng Việt, dạng tựa tựa chữ Hán) cho việc thông tin được dễ dàng.

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh khắc nghiệt đó, Người Việt ta vẫn tìm mọi cách học lâu thông các loại kinh sách của Trung Hoa và đem truyền bá kiến thức cho quần chúng nhằm nung nấu tinh thần quật khởi đấu tranh cho nền tự chủ của nòi Việt.

Trường học và thầy dạy trong thời kỳ Bắc Thuộc:

- *Làm thế nào trong 1000 năm Bắc Thuộc, Giao Châu (nước ta) vẫn sản sinh được một số nhân tài trí thức?*
- *Duyên lành thay, đó chính là nhờ Đạo Phật truyền bá từ Ấn Độ và Trung Hoa qua Việt Nam mà việc học hành chữ Hán được mở rộng cho nhiều người Việt và các chùa chiền trở thành trường học bán chính thức.*

Trên cơ sở đó, nhiều người Việt hâm mộ đạo Phật đã được các Nhà Sư Ấn Độ và Trung Hoa tận tình giảng dạy, không chỉ đạo pháp mà còn cả những sách của Không Tử và Lão Tử để kinh kệ được truyền lan ra đại chúng qua hàng ngàn ngôi chùa lớn nhỏ. Chẳng hạn, Thiền Sư Vinitaruci (Tì Ni Đa Lưu Chi) từ Ấn Độ qua và Thiền Sư Vô Ngôn Thông từ Trung Hoa qua. Thiền sư Vinitaruci vốn là sư phụ của Thiền Sư Việt Pháp Hiền (632). Khi Vinitaruci mất, Sư Pháp Hiền dựng chùa dạy học, cư tăng lúc nào cũng hơn 300. Thiền Sư Vô Ngôn Thông còn gọi là Thiền Ông, Người Hoa, tu ở Chùa Lục Tổ vốn là thầy của Thiền Sư Vạn Hạnh (... - 1025) mà tinh thần thiền của Vạn Hạnh là “hành động với tâm vô tư,

luôn luôn ưu thời, miễn thế, lúc nào cũng lo lắng đến sự an cư lạc nghiệp của dân chúng” (tr.139, *Thiền Vạn Hạnh*).

Như vậy, chính các ngôi chùa đã là những ngôi trường đầu tiên đào tạo những nhà trí thức Việt lỗi lạc và chính những nhà sư là những thầy giáo đầu tiên. Giáo Sư Nguyễn Khắc Kham, nguyên giảng sư Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, viết:

*... Suốt trong một ngàn năm đô hộ đã bao phen anh hùng tài ba không xuất thân từ Cửa Khổng, Sân Trình ra mà là từ trong cửa chùa của nông dân đã đứng ra lãnh đạo cuộc kháng chiến như Lý Phật Tử vào thế kỷ thứ VI. Lại trong khoảng Nhà Đường đô hộ Giao Châu đã có một số Thiền Sư danh tiếng như từng ngậm vịnh với các danh sĩ Tàu thời thịnh Đường, nào là Thi Sĩ Tâu Dương Cự Nguyên làm thơ tặng Phụng Định Pháp Sư về Việt Nam; nào là Trương Tịch tặng Tăng Nhật Nam trong núi; nào là Giả Đào tiễn thơ Nhà Sư An Nam Duy Dám v.v. (tr. 155, *Thiền Vạn Hạnh*).*

Rồi Giáo Sư Nguyễn Khắc Kham kết luận:

*Như vậy thì trước khi có học hiệu và khoa cử Nho Giáo, nhân tài trí thức Việt Nam đã do giới Thiền Sư đào tạo trong rất nhiều ngôi chùa dung làm học hiệu để giảng dạy cả sách Phật lẫn sách Chu Tử qua Hán Văn. Bởi thế nên các Thiền Sư bấy giờ đều thông thạo văn học chữ Hán, không những giỏi Phật Học mà còn thông Nho Học, Đạo Học lẫn Cửu Lưu: Kinh, Sử, Tử, Tập, bằng chứng là những bài thơ “kệ” chữ Hán của các Thiền Sư để lại đều là văn chương điêu luyện, ý nghĩa hàm súc, thâm trầm (tr. 156, *Thiền Vạn Hạnh*).*

Tóm lại, nhờ lòng hâm mộ Đạo Phật của đông đảo quần chúng mà tinh thần hiếu học của người Việt đã được phát huy từ những

cửa chùa, bằng cứ là Thiên Sư Việt pháp danh là Pháp Hiền (năm 632) trụ ở Chùa Pháp Vân (Bắc Ninh), được nhiều người mến mộ; nhà sư dựng chùa dạy học, cư tăng lúc nào cũng có đến hơn 300 người (coi Thiên Vạn Hạnh, Nguyễn Đăng Thục, tr. 34).

Và, tinh thần Phật Giáo thời đó, được hướng dẫn bởi ngọn đuốc đạo hạnh của Khuôn Việt Đại Sư (930-1012), của Sư Vạn Hạnh (- 1025), là tu, *tâm gắn liền với Đạo; hành, trí không xa rời thực tế*, luôn luôn tích cực phụng sự dân tộc qua Lê Đại Hành đến Lý Thái Tổ; tuy có công mà không nhận một chức tước gì của triều đình, chúng tỏ cái tâm Thiên đã đến ý thức “Dung Tam Tế” (Giới, Định, Huệ).

Vài nét về khoa cử trong thời kỳ tự chủ

Nhờ tiềm lực học thức trong thời Bắc thuộc đã lên cao độ, chế độ khoa cử của nước ta tiến hành ngay sau khi nước nhà giành được tự chủ vào triều đại Nhà Lý (đầu thế kỷ 11) và kéo dài đến cuối Nhà Nguyễn (đầu thế kỷ thứ XX) với mốc khởi đầu là việc xây Văn Miếu vào năm 1070 ở Thăng Long (Hà Nội) để thờ Khổng Tử và các vị Tiên Nho (ở Trung Hoa, Văn Miếu được gọi là Khổng Miếu).

Nội dung chương trình học bao gồm Tam Giáo (Khổng, Lão, Phật) và các học thuật như lịch sử, địa dư, toán, thiên văn, lịch pháp, nhằm đào tạo những Kê Sĩ có đủ trình độ kiến thức để giúp việc nước. Sĩ là giai cấp được trọng vọng nhất nước: “Nhất Sĩ, nhì Nông, tam Công, tứ Thương”.

Văn Miếu thoát kỳ thủy là trường dành cho các con cháu của Hoàng Gia và học trò đầu tiên là Thái Tử Lý Cán Đức (Lý Nhân Tông), con trai của Lý Thánh Tông và Nguyên Phi Ý Lan.

Trường Quốc Tử Giám được thành lập cạnh Văn Miếu vào năm 1076. Đây được coi là

Trường Đại Học đầu tiên của Việt Nam và dần dần mở rộng cho con các đại quan tham dự.

Năm 1253, dưới đời Trần Thái Tông, Quốc Tử Giám được đổi thành Quốc Học Viện và cho con cái xuất sắc của thường dân theo học.

Thái Học Sinh (Tiến Sĩ) Chu Văn An (1292-1370) được Vua Trần Minh Tông chọn là Tư Nghiệp (Hiệu Trưởng) Quốc Tử Giám dạy các Hoàng Tử. Năm Chu Văn An mất, ông được Vua Trần Nghệ Tông cho lập bàn thờ bên cạnh Khổng Tử.

Đến thời Nhà Nguyễn, Quốc Tử Giám di vào Huế (1802).

Bia Tiến Sĩ đặt trên lưng con rùa được thực hiện từ khoa thi năm 1442 đời vua Lê Thánh Tông.

Khoa thi Tiến Sĩ đầu tiên là khoa mở vào năm 1075 đời Lý Nhân Tông và vị Tiến Sĩ đầu tiên là Lê Văn Thịnh, người Làng Đông Cừu, Gia Bình, Bắc Ninh. Bắc Ninh có con số đậu Tiến Sĩ cao nhất: 578 trên 2898 vị.

Trong tổng số 185 khoa thi có 2906 Tiến Sĩ trong đó có 56 Trạng Nguyên.

Khoa kết thúc là khoa năm 1919 đời Nguyễn Khải Định.

Hệ thống giáo dục thời Nho Giáo

Trường học chính thức do nhà nước thiết lập chỉ có từ Kinh Đô tới cấp Phủ (Giáo Thụ), Huyện (Huấn Đạo), Tỉnh (Đốc Học). Còn ở các làng xã thì do dân tự lập do các ông Đồ hay quan chức về hưu lập ra.

Các khóa thi lớn gồm có: thi Hương (Cử Nhân); thi Hội (Tiến Sĩ) và thi Đình. Thi Hương trước thi Hội một năm.

Thi Hương mở tại các tỉnh hoặc liên tỉnh. Mỗi khóa cách nhau là 7 năm (đời Lý) rồi xuống 3 năm (Hậu Lê).

Người thi đậu kỳ thi Hương gọi là Hương Cống hay Cống Sinh, Cống Sĩ, v.v. Một số

các vị này được chọn dự kỳ thi Hội năm kế. Số không được chọn gọi là Sinh Đồ. Sau này danh vị Hương Công đổi thành Cử Nhân; còn Sinh Đồ đổi thành Tú Tài. Đâu nhất trong kỳ thi Hương gọi là Giải Nguyên.

Khóa thi Hương có 4 kỳ khảo hạch gọi là Nhất, Nhị, Tam Tứ Trường. Ngoài dân gian gọi là Tú Đơn; Tú Kép; tú Mên; Tú Đụp.

Thi Hội và thi Đình còn được gọi là Đại Khoa. Thi Hội cũng có 4 kỳ khảo hạch. Đố cả 4 kỳ được gọi là Tiến Sĩ mà dân gian gọi là Ông Nghè và có câu “Chưa đỗ ông Nghè, đã đe hàng Tổng”. Các vị đậu tiến sĩ xuất sắc được tuyển chọn vào thi Đình gọi là Điện Thí do chính Vua ra đề tài và chấm điểm tại Sân Châu.

Tiến sĩ chia làm sáu bậc: (1) Trạng Nguyên, (2) Bảng Nhãn, (3) Thám Hoa thuộc Tam Khôi; (4) Hoàn Giáp, (5) Đồng Tiến Sĩ, và (6) Phó Bảng.

Đãi ngộ: Các vị tân khoa Tiến Sĩ được Vua tiếp đãi lễ Đại Triều tại Điện Thái Hòa; được Vua ban Mũ Áo và đãi ăn yến, ban cho một cành trâm cài đầu, thăm Vườn Thượng Uyển, và cho cưỡi ngựa đi thăm phố xá trong kinh thành, và đặc biệt là Lễ Vinh Quy Bái Tổ tức là các quan chức địa phương hàng Tổng phải đón rước linh đình khi Tân Quan Tiến Sĩ về quê để bái Tổ Tiên và Cha Mẹ.

Đó là một thời hoàng kim (vàng) cho các vị Tân Khoa Tiến Sĩ vốn là vị hôn phu lý tưởng của các thiếu nữ với giấc mơ: “Võng anh đi trước, võng nàng theo sau”. Thời đại Nhà Nho thành đạt phú quý vinh hoa điếm nhiều mối tình thơ mộng kèm theo những nỗi chán chường trong lối học “tâm chương, trích cú” thuở đó được mô tả linh hoạt trong cuốn *Lều Chông* của Ngô Tất Tố mà những bạn đọc nặng lòng hoài cổ không nên bỏ qua.

Cho đến khi văn hóa Pháp du nhập nước ta vào đầu thế kỷ thứ 20 thì Nhà Nho không còn đất dụng võ nữa. Một Tú Xương tức Trần Tế Xương đã phải thốt lên:

*Nào có ra gì cái chữ nho!
Ông Nghè, ông Công cũng nằm co.
Chi bằng đi học làm ông Phan
Tối rượu sâm banh, sáng sữa bò!*

*Cái học Nhà Nho đã hỏng rồi,
Mười người đi học, chín người thôi
Cò hàng bán sách lim dim ngủ
Thầy khóa tư lương nháp nhòm ngòi
Sĩ khí rụt rè gà phải cáo,
Văn chương liều lĩnh đấm ăn xôi
Tôi đâu dám mỉa làng tôi nhỉ
Trình có quan tiên thứ chỉ tôi*

Vâng, tất cả chỉ còn là vang bóng một thời.

*

TẬP SAN CỔ THƠM
và sách của
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
có bán tại
Washington Music
Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26
Falls Church, VA 22044
Tel. 703 538 4979